DANH MỤC VỊ TRÍ VIỆC LÀM

(Kèm theo Quyết định số 347/QĐ-UBND ngày 20/02/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Lạng Sơn)

STT	Tên vị trí việc làm	Mã vị trí việc làm	Ghi chú
I	**Vị trí việc làm công chức lãnh đạo, quản lý**		
1	Giám đốc Sở	SNN- LĐQL.01	
2	Phó Giám đốc Sở	SNN- LĐQL.02	
3	Chánh Văn phòng Sở	SNN- LĐQL.03	
4	Trưởng phòng thuộc Sở	SNN- LĐQL.04	
5	Chánh Thanh tra Sở	SNN- LĐQL.05	
6	Phó Chánh Văn phòng Sở	SNN- LĐQL.06	
7	Phó Trưởng phòng thuộc Sở	SNN- LĐQL.07	
8	Phó Chánh Thanh tra Sở	SNN- LĐQL.08	
9	Chi cục trưởng thuộc Sở	SNN- LĐQL.09	
10	Phó Chi cục trưởng thuộc Sở	SNN- LĐQL.10	
11	Trưởng phòng thuộc Chi cục	SNN- LĐQL.11	
12	Đội trưởng thuộc Chi cục	SNN- LĐQL.12	
13	Hạt trưởng thuộc Chi cục	SNN- LĐQL.13	
14	Trạm trưởng thuộc Chi cục	SNN- LĐQL.14	
15	Phó Trưởng phòng thuộc Chi cục	SNN- LĐQL.15	
16	Phó Đội trưởng thuộc Chi cục	SNN- LĐQL.16	
17	Phó Hạt trưởng thuộc Chi cục	SNN- LĐQL.17	
18	Phó Trạm trưởng thuộc Chi cục	SNN- LĐQL.18	
II	**Vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn**		
1	Chuyên viên chính về quản lý trồng trọt	SNN- NVCN.01	
2	Chuyên viên về quản lý trồng trọt	SNN- NVCN.02	

STT	Tên vị trí việc làm	Mã vị trí việc làm	Ghi chú
3	Chuyên viên chính về bảo vệ thực vật	SNN- NVCN.03	
4	Chuyên viên về bảo vệ thực vật	SNN- NVCN.04	
5	Kiểm dịch viên thực vật	SNN- NVCN.05	
6	Chuyên viên chính về quản lý chăn nuôi	SNN- NVCN.06	
7	Chuyên viên về quản lý chăn nuôi	SNN- NVCN.07	
8	Chuyên viên chính về quản lý thú y	SNN- NVCN.08	
9	Chuyên viên về quản lý thú y	SNN- NVCN.9	
10	Kiểm dịch viên chính động vật	SNN- NVCN.10	
11	Kiểm dịch viên động vật	SNN- NVCN.11	
12	Chuyên viên chính về quản lý lâm nghiệp	SNN- NVCN.12	
13	Chuyên viên về quản lý lâm nghiệp	SNN- NVCN.13	
14	Kiểm lâm viên chính	SNN- NVCN.14	
15	Kiểm lâm viên	SNN- NVCN.15	
16	Kiểm lâm viên trung cấp	SNN- NVCN.16	
17	Chuyên viên về quản lý thủy sản	SNN- NVCN.17	
18	Chuyên viên chính về quản lý thủy lợi và nước sạch nông thôn	SNN- NVCN.18	
19	Chuyên viên về quản lý thủy lợi và nước sạch nông thôn	SNN- NVCN.19	
20	Chuyên viên chính về phòng, chống thiên tai	SNN- NVCN.20	
21	Chuyên viên về phòng, chống thiên tai	SNN- NVCN.21	
22	Chuyên viên chính về quản lý chất lượng, chế biến và phát triển thị trường	SNN- NVCN.22	
23	Chuyên viên về quản lý chất lượng, chế biến và phát triển thị trường	SNN- NVCN.23	

STT	Tên vị trí việc làm	Mã vị trí việc làm	Ghi chú
24	Chuyên viên chính về phát triển nông thôn	SNN- NVCN.24	
25	Chuyên viên về phát triển nông thôn	SNN- NVCN.25	
26	Chuyên viên chính về Quản lý công tác xây dựng các công trình chuyên ngành	SNN- NVCN.26	
27	Chuyên viên về Quản lý công tác xây dựng các công trình chuyên ngành	SNN- NVCN.27	
III	**Vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên môn dùng chung**		
1	Thanh tra viên chính về công tác thanh tra	SNN- CMDC.01	
2	Thanh tra viên về công tác thanh tra	SNN- CMDC.02	
3	Chuyên viên về công tác thanh tra	SNN- CMDC.03	
4	Chuyên viên về pháp chế	SNN- CMDC.04	
5	Chuyên viên về tổ chức bộ máy	SNN- CMDC.05	
6	Chuyên viên chính về quản lý nguồn nhân lực	SNN- CMDC.06	
7	Chuyên viên về quản lý nguồn nhân lực	SNN- CMDC.07	
8	Chuyên viên về thi đua, khen thưởng	SNN- CMDC.08	
9	Chuyên viên chính về tổng hợp	SNN- CMDC.09	
10	Chuyên viên về tổng hợp	SNN- CMDC.10	
11	Chuyên viên về hành chính – văn phòng	SNN- CMDC.11	
12	Chuyên viên về kiểm soát thủ tục hành chính	SNN- CMDC.12	
13	Chuyên viên chính về kế hoạch đầu tư	SNN- CMDC.13	
14	Chuyên viên về kế hoạch đầu tư	SNN- CMDC.14	
15	Chuyên viên chính về tài chính	SNN- CMDC.15	
16	Chuyên viên về tài chính	SNN- CMDC.16	
17	Kế toán trưởng (hoặc phụ trách kế toán)	SNN- CMDC.17	
18	Kế toán viên	SNN- CMDC.18	

STT	Tên vị trí việc làm	Mã vị trí việc làm	Ghi chú
19	Kế toán viên Trung cấp	SNN- CMDC.19	
20	Văn thư viên	SNN- CMDC.20	
21	Văn thư viên trung cấp	SNN- CMDC.21	
22	Cán sự về lưu trữ	SNN- CMDC.22	
23	Nhân viên thủ quỹ	SNN- CMDC.23	
IV	**Vị trí việc làm thuộc nhóm hỗ trợ, phục vụ**		
1	Nhân viên Kỹ thuật	SNN- HTPV.01	
2	Nhân viên Phục vụ	SNN- HTPV.02	
3	Nhân viên Bảo vệ	SNN- HTPV.03	
4	Nhân viên Lái xe	SNN- HTPV.04	

Tổng số: 72 vị trí việc làm./.